TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/DS-ST
Ngày: 07 – 3 – 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN NHÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Từ Văn Nhứt**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Dư Thị Út**;

2. Bà **Lâm Thị Nguyệt Hồ**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Bùi Công Bằng** – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Mỹ Linh** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bạc Liêu mở phiên toà xét xử công khai vụ án thụ lý số: 269/2021/TLST-DS, ngày 21 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-DS ngày 26/01/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trương Thị K**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

2. Bị đơn: Bà **Ngô Thị N**, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Số , Khóm , Phường , thành phố B, tỉnh Bạc Liêu

(Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không thông báo lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không người đại diện tham gia phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời trình bày của bà Trương Thị K trong đơn khởi kiện ngày 01/10/2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng như sau:

Do chỗ quen biết nên vào khoảng đầu năm 2007 bà K có cho bà Ngô Thị N vay số tiền 9.000.000đ, khi vay tiền hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng với nhau, không có làm biên nhận hay văn bản, giấy tờ gì, cũng không có ai chứng kiến. Bà K xác định cho bà N vay trong vòng một tháng kể từ ngày vay tiền thì bà N có nghĩa vụ trả số

tiền 9.000.000đ cho bà, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng. Từ lúc vay đến nay bà N chưa trả cho bà K khoản tiền nợ gốc, lãi nào. Do tình nghĩa quen biết nên bà K tạo điều kiện cho bà N trả nợ, nhưng đến nay bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà K. Nay bà Trương Thị K yêu cầu bà Ngô Thị N trả số tiền 9.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/12/2021 bà Trương Thị K có đơn xin rút lại phần yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật. Bà Trương Thị K chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà Ngô Thị N trả số tiền gốc là 9.000.000đ. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn bà Ngô Thị N không cung cấp lời khai của mình cho Tòa án, Tòa án đến nơi cư trú của bà N có gặp trực tiếp bà Ngô Thị N tại nhà của bà để làm việc, lấy lời khai bà N. Tuy nhiên, bà Ngô Thị N từ chối làm việc với Tòa án và không đồng ý việc Tòa án lập biên bản lấy lời khai của bà. Thẩm phán có giải thích về quyền, nghĩa vụ của đương sự cho bà N nghe và phổ biến lại nội dung yêu cầu khởi kiện của bà K thì bà N xác định như sau: Bà N có nợ bà K số tiền 9.000.000đ nhưng do bà bị người khác giật nợ, nên không có tiền trả cho bà K, khi nào người khác trả nợ cho bà thì bà sẽ trả nợ cho bà K, hiện nay bà cũng già yếu không làm gì ra tiền.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì bị đơn bà Ngô Thị N không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Kiểm sát viên đã nhận định và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị K. Buộc bà Ngô Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị K 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng); Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Trương Thị K về việc yêu cầu bà Ngô Thị N trả số tiền lãi suất theo quy định.

Về án phí: Buộc bà Ngô Thị N phải chịu tòa bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật là 450.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trương Thị K khởi kiện yêu cầu bà Ngô Thị N trả tiền vay nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về tranh chấp hợp đồng dân sự là đúng quy định. Đồng thời bị đơn cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà Trương Thị K vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng bà có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn bà Ngô Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Trương Thị K và bà Ngô Thị N.

Về nội dung vụ án

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Bà Trương Thị K yêu cầu bị đơn bà Ngô Thị N trả số tiền 9.000.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử, xét thấy:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng Dân sự quy định: *"Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp..."*, có nghĩa là: bà Trương Thị K là nguyên đơn trong vụ án thì bà phải có nghĩa vụ chứng minh việc bà Ngô Thị N có vay tiền của bà.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà Trương Thị K có cung cấp cho Tòa án 02 biên bản hòa giải về việc tranh chấp tiền đề ngày 04 tháng 03 năm 2021 của Khóm 8, Phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nội dung: bà Ngô Thị N thừa nhận có vay của bà K số tiền 9.000.000đ, tuy nhiên bà N không đồng ý trả do bà già yếu, không có tiền trả. Biên bản hòa giải này bà N có tham gia hòa giải và có ký, ghi họ tên vào biên bản.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án xác minh những người làm chứng - Là những người tham gia hòa giải vụ tranh chấp tiền vay của bà Trương Thị K và bà Ngô Thị N, các ông bà tham gia hòa giải cùng xác nhận như sau: "*Theo đơn yêu cầu tranh chấp tiền của bà Trương Thị K với bà Ngô Thị N, lúc 14 giờ Ngày 04 tháng 3 năm 2021 tổ hòa giải của Ủy ban nhân dân Khóm 8, Phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu có mặt tại nhà của bà N để tiến hành hòa giải vụ việc. Tại buổi hòa giải bà N có thừa nhận vay của bà K số tiền 9.000.000đ từ năm 2007 đến nay, tuy nhiên bà N không đồng ý trả tiền cho bà K, do hiện nay già yếu, có tiền sẽ trả không có tiền thì không đồng ý trả vì hiện tại bà cũng không làm gì có tiền. Tại buổi hòa giải có mặt các thành viên như trong biên bản hòa giải, có mặt bà K, bà N và các đương sự ký tên vào cuối biên bản*".

Bà Ngô Thị N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp lời khai của mình cho Tòa án, Tòa án đến nơi cư trú của bà N có gặp trực tiếp bà Ngô Thị N tại nhà của bà để làm việc, lấy lời khai bà N. Tuy nhiên, bà Ngô Thị N từ chối làm việc với Tòa án và không đồng ý việc Tòa án lập biên bản lấy lời khai của bà. Thẩm phán có giải thích về quyền, nghĩa vụ của đương sự cho bà N nghe và phổ biến lại nội dung yêu cầu khởi kiện của bà K thì bà N thừa nhận như sau: "*Bà N có nợ bà K số tiền 9.000.000đ nhưng do bà bị người khác giật nợ, nên không có tiền trả cho bà K, khi nào người khác trả nợ cho bà thì bà sẽ trả nợ cho bà K, hiện nay bà cũng già yếu không làm gì ra tiền*". Xét thấy: Việc thừa nhận nợ của bà N là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy bà Trương Thị K có cho bà Ngô Thị N vay số tiền 9.000.000đ là có xảy ra trên thực tế, đến nay bà N không trả tiền cho bà K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, từ đó yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị K là có cơ sở chấp nhận.

- Về tiền lãi suất: Ngày 13 tháng 12 năm 2021 bà Trương Thị K có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của bà Trương Thị K và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Xét thấy lời đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá gạch:

- Buộc bà Ngô Thị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật là 450.000 đồng.

- Bà Trương Thị K không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ các Điều 2, 6, 7, 7a, 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Trương Thị K về việc yêu cầu bà Ngô Thị N trả số tiền lãi suất theo quy định pháp luật.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị K yêu cầu bà Ngô Thị N trả số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng).

Buộc bà Ngô Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị K 9.000.000đ (chín triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất với số tiền chậm thi hành án theo qui định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc bà Ngô Thị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật là 450.000đ (bốn trăm, năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bạc Liêu;*
- *VKSND TP. Bạc Liêu;*
- *Các đương sự;*
- *CCTHADS Tp. Bạc Liêu;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Từ Văn Nhứt